

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN AN DƯƠNG
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 79/2020/HNGĐ-ST
Ngày 03-12-2020
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN DƯƠNG, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trương Minh Huế

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Vũ Văn Thi

Ông Ngô Văn Miên

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Trần Thị Minh Trang - Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Dương, thành phố Hải Phòng.

- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện An Dương, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa:** Ông Lại Văn Quyền - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 12 năm 2020, tại trụ sở, Tòa án nhân dân huyện An Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 308/2020/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 10 năm 2020 về ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 88/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 11 năm 2020, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Chị Võ Thị T; nơi cư trú: Thôn Q, xã N, huyện A, thành phố Hải Phòng; có mặt.

- **Bị đơn:** Anh Lê Văn T1; nơi ĐKKHKT: Thôn Q, xã N, huyện A, thành phố Hải Phòng; Hiện đang thi hành án phạt tù tại Đội 38, Phân trại 01, Trại giam số 4, huyện T2, tỉnh Nghệ An; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong Đơn khởi kiện, tại Biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa, nguyên đơn là chị Võ Thị T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị kết hôn với anh Lê Văn T trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện A, thành phố Hải Phòng vào năm 2005. Sau khi kết hôn, chị về chung sống cùng gia đình anh T ở thôn Q, xã N, huyện A, thành phố Hải Phòng. Quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc đến năm 2011 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm, nên vợ chồng thường xuyên xảy ra va chạm cãi chửi nhau. Gia đình bố, mẹ hai bên đã hòa giải nhưng không có kết quả, mâu thuẫn ngày

căng thẳng. Mặt khác, khoảng tháng 4 năm 2013, anh T1 bị bạn xấu lôi kéo, nên vi phạm pháp luật, bị Công an tỉnh H bắt và bị xử phạt tù, nên tình cảm vợ chồng xa cách. Hiện tại, anh T1 đang thi hành án phạt tù tại Đội 38, Phân trại 01, Trại giam số 4, huyện T2, tỉnh Nghệ An. Từ khi anh T1 đi thi hành án đến nay, chị đã hơn mười lần đến trại giam thăm nuôi anh T1. Việc chị đi thăm nuôi anh T1 chỉ là trách nhiệm của người vợ chứ thực tế chị không còn tình cảm với anh T1. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh T1.

Về con chung: Chị và anh Lê Văn T1 có hai con chung là Lê Thị T3, sinh ngày 06 tháng 6 năm 2006 và Lê Đức A1, sinh ngày 26 tháng 4 năm 2008. Từ khi anh T1 đi thi hành án đến nay, các con chung do chị nuôi dưỡng. Chị đề nghị Tòa án giao hai con chung cho chị tiếp tục nuôi dưỡng. Về việc cấp dưỡng nuôi con chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai, bị đơn là anh Lê Văn T1 trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Về thời gian, điều kiện kết hôn, quá trình chung sống của anh và chị Võ Thị T theo như chị T đã khai là đúng. Quá trình vợ chồng chung sống khoảng năm 2013, anh vi phạm pháp luật và bị đi thi hành án phạt tù tại Trại giam số 04, huyện T2, tỉnh Nghệ An với hình phạt 26 năm tù, anh mới thi hành án được 08 năm. Do anh đang phải thi hành án phạt tù nên chị T xin ly hôn, anh đồng ý.

Về con chung: Anh và chị Võ Thị T có hai con chung theo như lời khai chị T đã trình bày là đúng. Anh đồng ý để chị T nuôi dưỡng hai con chung. Về việc cấp dưỡng nuôi con, anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện An Dương phát biểu ý kiến:

- *Về tố tụng:*

Từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ quy định tại các điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn đang phải thi hành án nên không thể thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ quy định tại các điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- *Về nội dung:*

Căn cứ Điều 28; điểm a, khoản 1, Điều 35; điểm a, khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 39 Bộ luật Dân sự; các điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326 ngày 30 tháng 12 năm 2016 về án phí, lệ phí Tòa án, đề nghị Hội đồng xét xử: Xử cho chị Võ Thị T được ly hôn anh Lê Văn T1; Giao các con chung Lê Thị T3, sinh ngày 06 tháng 6 năm 2006 và Lê Đức A1, sinh ngày 26 tháng 4 năm 2008 cho chị T nuôi dưỡng; không xem xét, giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con và tài sản. Chị T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Chị Võ Thị T có đơn khởi kiện xin ly hôn với anh Lê Văn T1. Đây là vụ án tranh chấp hôn nhân và gia đình được quy định tại Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Anh Lê Văn T1 có đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn Q, xã N, huyện A, thành phố Hải Phòng nên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện An Dương, thành phố Hải Phòng.

[2] Bị đơn anh Lê Văn T1 hiện đang phải thi hành án phạt tù, anh T1 có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện An Dương tiến hành xét xử vắng mặt anh Lê Văn T1.

[3] Chị Võ Thị T và anh Lê Văn T1 kết hôn trên cơ sở tự nguyện và được Ủy ban nhân dân xã N, huyện A, thành phố Hải Phòng cấp Giấy chứng nhận kết hôn ngày 09 tháng 5 năm 2005, nên theo quy định tại Điều 8, Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình, đây là hôn nhân hợp pháp.

[4] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ lời khai các đương sự, căn cứ các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp và các chứng cứ do Tòa án thu thập có đủ cơ sở xác định: Quá trình chung sống, chị Võ Thị T và anh Lê Văn T1 đã phát sinh mâu thuẫn do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm, nên vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã, xúc phạm nhau. Mặt khác anh T1 vi phạm pháp luật và phải đi thi hành án phạt tù thời gian dài 26 năm, nên tình cảm vợ chồng xa cách. Xét quan hệ hôn nhân của chị Võ Thị T và anh Lê Văn T1 là không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, cần áp dụng Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận đề nghị xin được ly hôn của chị Võ Thị T đối với anh Lê Văn T1.

[5] Về con chung: Quá trình chung sống chị Võ Thị T và anh Lê Văn T1 có hai con chung là Lê Thị T3, sinh ngày 06 tháng 6 năm 2006 và Lê Đức A1, sinh ngày 26 tháng 4 năm 2008. Chị T và anh T1 đều có quan điểm đề nghị Tòa án giao hai con chung cho chị T nuôi dưỡng. Các con chung T3 và Đức A1 đều có nguyện vọng được ở với mẹ. Xét thấy, hiện tại anh T1 đang phải thi hành án phạt tù nên không thể nuôi dưỡng và chăm sóc con chung. Nên để đảm bảo quyền lợi cho các con chung, cần chấp nhận yêu cầu của chị T và anh T1, giao hai con chung cho chị T nuôi dưỡng.

[6] Về việc cấp dưỡng nuôi con: Chị Võ Thị T và anh Lê Văn T1 không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Tòa án không xem xét giải quyết, khi nào các đương sự có yêu cầu, Tòa án sẽ giải quyết bằng vụ án dân sự khác.

[7] Về tài sản chung: Chị Võ Thị T và anh Lê Văn T1 không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét giải quyết, khi nào các đương sự có yêu cầu Tòa án sẽ giải quyết bằng vụ việc dân sự khác.

[8] Về án phí sơ thẩm: Chị Võ Thị T là nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[9] Về quyền kháng cáo: Chị Võ Thị T và anh Lê Văn T1 được quyền kháng cáo Bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1, Điều 28; điểm a, khoản 1, Điều 35; điểm a, khoản 1, Điều 39; Điều 147; khoản 1, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 39 Bộ luật Dân sự;

- Căn cứ các điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Điều 6; điểm a, khoản 5, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc Hội ban hành ngày 30 tháng 12 năm 2016.

Tuyên xử:

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Võ Thị T được ly hôn anh Lê Văn T1.

2. *Về con chung*: Giao các con chung Lê Thị T3, sinh ngày 06 tháng 6 năm 2006 và Lê Đức A1, sinh ngày 26 tháng 4 năm 2008 cho chị T nuôi dưỡng đến khi mỗi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. *Về án phí*:

Chị Võ Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm để sung công quỹ Nhà nước. Chị T đã nộp 300.000 đồng tạm ứng án phí ly hôn theo Biên lai thu tiền số 12781 ngày 06 tháng 10 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Dương. Nên chị T không phải nộp nữa.

4. *Về quyền kháng cáo*: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND TP. Hải Phòng;
- VKSND huyện An Dương;
- Chi cục Thi hành án dân sự An Dương;
- UBND xã N, huyện A, HP;
- Dương sự;
- Lưu: HCTP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Trương Minh Huế

